

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẢO HÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXH
V/v hướng dẫn xét duyệt, thẩm định hồ sơ trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai từ năm học 2025- 2026

Bảo Hà, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: - Các cơ sở giáo dục trực thuộc xã;

Thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2025/NĐ-CP);

Thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

Thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/7/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2017/NĐ-CP);

Thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong giáo dục đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 238/2025/NĐ-CP);

Thực hiện Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC);

Thực hiện Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND);

Thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND);

Thực hiện Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 08/7/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo

tỉnh Yên Bái từ năm học 2023-2024 đến hết năm học 2025-2026 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND);

Thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND),

Thực hiện Công văn số 741/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai về việc hướng dẫn xét duyệt, thẩm định hồ sơ trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh từ năm học 2025-2026. UBND xã Bảo Hà hướng dẫn xét duyệt, thẩm định hồ sơ trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên đề nghị hưởng các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. Xét duyệt hồ sơ trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên đề nghị hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ (Thực hiện theo Hướng dẫn tại Văn bản số 682/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT).

II. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2025 của Chính phủ (Thực hiện quy trình thủ tục hành chính cấp xã)

1. Đối với cơ sở giáo dục

1.1. Xét duyệt chính sách đối với học sinh

Căn cứ quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP cơ sở giáo dục tiến hành xét duyệt, trình Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt (*Đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP*). Hồ sơ trình gồm:

a) Hồ sơ của trẻ em mẫu giáo: Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; khoản 3 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (*Đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp*).

b) Hồ sơ của cơ sở giáo dục:

- Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Biên bản làm việc của Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; Danh sách học sinh đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; dự toán kinh phí hỗ trợ kinh phí (*nộp qua cổng dịch vụ công quốc gia*).

1.2. Thực hiện chính sách đối với giáo viên: Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2. Đối với Phòng Văn hóa -Xã hội

2.1. Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non; chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập; thực hiện đảm bảo chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020, Điều 81 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.

2.2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập), trường phổ thông có nhóm lớp mầm non triển khai thực hiện các chính sách đối với trẻ em, giáo viên; chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi tập trung nhiều lao động theo quy định.

2.3. Tham mưu phê duyệt đối tượng, cấp kinh phí để tổ chức thực hiện.

III. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/7/2017 của Chính phủ (Thực hiện quy trình thủ tục hành chính cấp xã và cấp tỉnh)

1. Đối với cơ sở giáo dục

1.1. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người (DTTS RIN) đến học sinh, cha mẹ học sinh; rà soát đối tượng, đảm bảo không bỏ sót học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ.

1.2. Thực hiện đầy đủ các trình tự, thời gian xét duyệt và phương thức chi trả hỗ trợ học tập đối với học sinh theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ; kịp thời xét bổ sung, không để sót học sinh chưa được hưởng chính sách.

1.3. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp kinh phí theo quy định. Hồ sơ gồm:

a) Đối với học sinh: Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).

b) Đối với cơ sở giáo dục:

- Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Biên bản làm việc của Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; Danh sách học sinh đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; dự toán kinh phí hỗ trợ kinh phí (*nộp trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia*).

2. Đối với phòng Văn hóa -Xã hội

2.1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý tuyên truyền, phổ biến chính sách đối với học sinh DTTS RIN đến học sinh, cha mẹ học sinh.

2.2. Phối hợp với phòng liên quan hướng dẫn các cơ sở giáo dục rà soát, theo dõi số lượng học sinh DTTS RIN, thực hiện các chính sách về tuyển sinh, hỗ trợ học tập đầy đủ, kịp thời; đảm bảo không bỏ sót học sinh thuộc đối tượng.

2.3. Kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện quy trình về xét duyệt, chi trả chính sách đối với học sinh DTTS RIN.

IV. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

1. Thủ tục đề nghị miễn học phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (*Trong khi chờ văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và quy định mức học phí của HĐND tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ sở giáo dục phổ biến Nghị định số 238/2025/NĐ-CP tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; cha mẹ học sinh và học sinh, học viên*).

2. Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí học tập

2.1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập

a) Thông báo, phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ/ người giám hộ của học sinh về chính sách hỗ trợ, thủ tục, hồ sơ đề nghị.

b) Tổ chức xét duyệt thực hiện quy trình thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Các cơ sở giáo dục thuộc xã gửi kết quả xét duyệt (theo biểu mẫu gửi kèm Công văn) về UBND cấp xã để tổng hợp theo dõi; các đơn vị trực thuộc Sở gửi kết quả xét duyệt (theo biểu mẫu gửi kèm Công văn) về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi.

*** Lưu ý:** Các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục, hồ sơ khi xét duyệt; chi trả kinh phí đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện chế độ chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng.

2. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

a) Thông báo, phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ/ người giám hộ của học sinh về chính sách hỗ trợ, thủ tục, hồ sơ đề nghị.

b) Tổ chức xét duyệt thực hiện quy trình thủ tục theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Các cơ sở giáo dục thuộc xã gửi phòng chức năng của UBND cấp xã thẩm định trình UBND xã phê duyệt; đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Hồ sơ gồm:

- Hồ sơ của học sinh: Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP); các giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

- Hồ sơ của nhà trường:
- + Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- + Biên bản làm việc của Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; Danh sách học sinh đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; dự toán kinh phí hỗ trợ (*nộp trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia*).

V. Xét duyệt hồ sơ học sinh khuyết tật đề nghị hưởng chính sách theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC (*Thực hiện theo quy trình thủ tục hành chính cấp xã và cấp tỉnh*)

1. Đối với các cơ sở giáo dục

1.1. Tổ chức xét duyệt học sinh hưởng chính sách hỗ trợ theo quy trình tại Điều 8 Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

1.2. Các trường MN, TH, THCS báo cáo kết quả, gửi hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND xã, phường; các đơn vị trực thuộc Sở gửi về Sở GD&ĐT. Hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ của học sinh: Theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC .

b) Đối với cơ sở giáo dục:

- Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Biên bản làm việc của Hội đồng xét duyệt (*Lưu tại Nhà trường*)
- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; Danh sách học sinh đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; dự toán kinh phí hỗ trợ (*nộp qua cổng dịch vụ công quốc gia*).

2. Đối với phòng Văn hóa-Xã hội

2.1. Căn cứ Tờ trình của các cơ sở giáo dục trực thuộc, phối hợp các phòng liên quan thẩm định hồ sơ; phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách.

2.2. Gửi Quyết định phê duyệt học sinh khuyết tật được hưởng chính sách về Sở GD&ĐT để theo dõi, tổng hợp.

2.3. Chỉ đạo chi trả kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định tại điểm b, c khoản 1, điểm b,c khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

VI. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND (*Áp dụng đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai trước sáp nhập*)

Đề nghị các cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện theo Công văn số 04/SGDĐT-KHTC ngày 21/01/2021 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện một số chính sách theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025.

VII. Một số lưu ý

1. Về hồ sơ liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, đề nghị các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 về sửa đổi các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình hộ khẩu, tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

2. Về thẩm quyền thực hiện quy trình xét duyệt, thẩm định, phê duyệt đối tượng hưởng chính sách: Áp dụng quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Về biểu mẫu

- Các chính sách của Trung ương thực hiện theo Biểu mẫu gửi kèm tại Văn bản này; Chính sách theo Nghị định 66/205/NĐ-CP thực hiện theo văn bản số 682/SGDDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT.

- Các chính sách của Tỉnh thực hiện biểu mẫu hàng năm theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai (trước hợp nhất).

4. Cơ sở giáo dục ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt các chế độ chính sách của Chính phủ và của Tỉnh (*theo từng năm học*), phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (*thành phần gồm: Lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm lớp, kế toán, thành phần khác có liên quan*).

5. Căn cứ quy định và các văn bản hướng dẫn, Phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức xét duyệt các chính sách hỗ trợ; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân xã phê duyệt đối tượng, kinh phí trước **ngày 25/9 hàng năm**. Riêng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy trình, thời gian quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, xong trước **ngày 10/10 hàng năm**. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức thực hiện tại các cơ sở giáo dục, đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời chế độ, chính sách. Sau khi phê duyệt các chế độ chính sách, gửi Quyết định phê duyệt và phụ lục tổng hợp số lượng đối tượng thụ hưởng, kinh phí hỗ trợ về Sở GD&ĐT để theo dõi, tổng hợp.

Trên đây là Hướng dẫn xét duyệt, thẩm định hồ sơ trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai từ năm học 2025- 2026. Ủy ban nhân dân xã đề nghị các cơ sở giáo dục nghiên cứu triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Công

